

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 722/QĐ-ĐHK T ngày 11 tháng 04 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Ngành	: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
Mã ngành	: 734 04 05
Tên ngành (Tiếng Anh)	: MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS
Tên chuyên ngành	: QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: INFORMATION SYSTEMS MANAGEMENT
Mã chuyên ngành	: 734 04 05 02
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Hình thức đào tạo	: Chương trình đào tạo đặc thù

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản Trị Hệ Thống Thông Tin trang bị cho người học một cách có hệ thống các kiến thức nền tảng về kinh tế - xã hội, kinh doanh - quản lý, kế toán - tài chính; chương trình đặc biệt chú trọng các kiến thức chuyên sâu về hệ thống thông tin quản lý, kiến thức tổ chức và quản trị hệ thống thông tin.

Chương trình đào tạo tăng cường các kỹ năng nghề nghiệp, nhằm trang bị cho người học một năng lực tối thiểu cho các hoạt động phân tích, đánh giá, thiết kế, đảm bảo sự an toàn và bảo mật của các hệ thống thông tin, đặc biệt là năng lực quản trị các hệ thống thông tin trong tiến trình hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo còn trang bị cho người học những kỹ năng mềm cần thiết như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tư duy - sáng tạo - phân tích - phản biện; ý thức tôn trọng pháp luật, trách nhiệm với bản thân và xã hội; khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển chuyên môn liên tục và học tập suốt đời.



1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

1.2.1. Kiến thức

Kiến thức cơ bản

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CDR1	Nắm vững các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị
2	CDR2	Nắm vững các kiến thức nền tảng về kinh tế - xã hội, kinh doanh - quản lý, kế toán - tài chính
3	CDR3	Am hiểu những kiến thức cơ bản về toán ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh.

Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên ngành
1	CDR4	Am hiểu quy trình lập kế hoạch và triển khai các dự án CNTT;
2	CDR5	Nắm bắt được các nguyên lý căn bản về kỹ thuật lập trình; am hiểu các công cụ dùng để phân tích, đặc tả, phát triển và định giá các loại hệ thống thông tin (HTTT) khác nhau
3	CDR6	Nắm bắt được các nguyên lý, cấu trúc và kỹ thuật truyền thông của hệ thống mạng máy tính; am hiểu các nguyên tắc tổ chức, thiết kế và quản trị hệ thống mạng máy tính trong tổ chức vừa và nhỏ
4	CDR7	Am hiểu các nguyên lý trong tổ chức và thiết kế cơ sở dữ liệu. Xây dựng và quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu, mở rộng hệ thống đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh
5	CDR8	Am hiểu và phân biệt được các giải pháp và chính sách an toàn thông tin phù hợp cho các HTTT trong doanh nghiệp
6	CDR9	Nhận biết và xác định được các nguồn lực về thông tin trong các hoạt động của doanh nghiệp; Nhận biết vai trò và mối quan hệ giữa các phân hệ trong các HTTT; xác định nguồn thông tin vào/ra đối với từng loại HTTT và tầm quan trọng của nó; Phân tích và tái tổ chức các luồng thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động
7	CDR10	Nắm được các quy trình nghiệp vụ của các doanh nghiệp, tổ chức:

		quy trình nghiệp vụ kế toán tài chính; quy trình quản lý chuỗi cung ứng, quản trị sản xuất; quy trình quản trị nguồn nhân sự. Nắm được các mô hình kinh doanh
8	CĐR11	Am hiểu các công cụ và kỹ thuật hiện đại trong thiết kế và xây dựng các website phục vụ các hoạt động quản lý và kinh doanh
9	CĐR12	Thấu hiểu các kiến thức cơ bản về kho dữ liệu và khai phá dữ liệu, qui trình xây dựng, cách thức khai thác và các kỹ thuật khai phá dữ liệu thông dụng nhằm hỗ trợ ra quyết định trong quản lý và kinh doanh.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng cơ bản

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CĐR13	Khả năng soạn thảo các loại văn bản, lập kế hoạch công việc đúng chuẩn mực; khả năng thuyết trình, thuyết phục, lắng nghe, hỗ trợ, chia sẻ thông tin với người khác
2	CĐR14	Khả năng làm việc nhóm và năng lực lãnh đạo như: phác thảo, định hướng, điều khiển; khả năng xây dựng và giải quyết mối quan hệ như: gắn kết, tạo động cơ, đồng cảm, chia sẻ và xử lý xung đột
3	CĐR15	Kỹ năng tổng hợp và đánh giá thông tin từ nhiều nguồn, có tư duy phê phán, giải quyết vấn đề; Khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển chuyên môn liên tục và học tập suốt đời
4	CĐR16	Có thể giao tiếp và giải quyết công việc trong môi trường quốc tế với trình độ tiếng Anh IELTS 4.5 (hoặc tương đương) trở lên

Kỹ năng nghề nghiệp

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp
1	CĐR17	Kỹ năng lập kế hoạch, đánh giá rủi ro, tính khả thi, khả năng quản lý và lập báo cáo về các dự án CNTT
2	CĐR18	Khả năng thiết kế, tổ chức, quản trị cơ sở dữ liệu và kho dữ liệu; khả năng tổng hợp, phân tích và khai phá dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định trong môi trường quản lý và kinh doanh thông minh
3	CĐR19	Kỹ năng thuần thục trong quản trị các hệ thống thông tin phục vụ quản lý và kinh doanh trong doanh nghiệp như: hệ thống mạng máy

		tính, cổng thông tin điện tử, website thương mại điện tử, hệ phần mềm quản lý thông tin và kinh doanh nội bộ
4	CDR20	Kỹ năng tư duy sáng tạo và tiếp cận với những xu hướng phát triển hiện đại của CNTT để có định hướng nghiên cứu, triển khai trong tương lai
5	CDR21	Kỹ năng phân biệt và tiếp cận chuyên sâu các loại HTTT quản lý, tăng cường năng lực CNTT trong hỗ trợ ra quyết định
6	CDR22	Kỹ năng tư duy, sáng tạo, phân tích và phản biện trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến các việc quản trị HTTT.

1.2.3. Thái độ và hành vi

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi
1	CDR23	Năng lực thể hiện hành vi và ra quyết định trên cơ sở cân nhắc các yếu tố đạo đức, phù hợp với các yêu cầu của pháp luật, chuẩn mực chung của xã hội và lợi ích quốc gia Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội. Cụ thể sinh viên phải đạt tối thiểu 50 điểm hoạt động ngoại khóa theo qui định của Trường Đại học kinh tế (theo Quyết định số 749/QĐ ĐHKT ngày 20/4/2017)
2	CDR24	Có tinh thần trách nhiệm với cá nhân và xã hội; có đạo đức nghề nghiệp và trong kinh doanh
3	CDR25	Có thái độ tích cực, tư duy sáng tạo, ý thức đổi mới và vượt khó vươn lên trong công việc.

1.3. Cơ hội việc làm

Sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin:

Có khả năng đảm nhận các công việc sau:

- Kinh doanh, tư vấn, triển khai và tích hợp phần mềm và các giải pháp HTTT trong kinh doanh và quản lý;
- Tư vấn, đánh giá tính khả thi, phân tích rủi ro và quản trị các dự án phát triển và tích hợp các HTTT trong kinh doanh và quản lý;
- Tư vấn, hoạch định chiến lược phát triển và quản trị các HTTT trong kinh doanh và quản lý;
- Thiết kế và quản trị các cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu; phân tích và khai thác dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo trong kinh doanh và quản lý;
- Tư vấn, hoạch định và quản trị đảm bảo sự an toàn và bảo mật thông tin trong các tổ chức và doanh nghiệp;

- Quản trị các hệ thống mạng máy tính trong các tổ chức, doanh nghiệp vừa và nhỏ;
- Quản trị các website thương mại điện tử, cổng thông tin điện tử và các hệ thống quản lý và kinh doanh thông minh;
- Giảng dạy một số học phần liên quan đến CNTT và HTTT quản lý tại cơ sở đào tạo; Hướng dẫn cho các nhân viên trong đơn vị sử dụng và khai thác HTTT một cách an toàn và có hiệu quả;

Trong các tổ chức kinh tế - xã hội và kinh doanh như:

- Các doanh nghiệp, tổ chức nhà nước và phi chính phủ có ứng dụng CNTT trong hoạt động sản xuất và điều hành quản lý;
- Các cơ quan, doanh nghiệp chuyên về phát triển, tư vấn, kiểm thử và triển khai ứng dụng phần mềm và giải pháp quản trị doanh nghiệp trên nền tảng CNTT;
- Các cơ sở giáo dục và đào tạo, các viện và trung tâm nghiên cứu về lĩnh vực quản trị và quản lý.

Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin có thể tiếp tục theo học chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành: Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, Kinh tế phát triển trong và ngoài nước.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN.

5. Quy trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**
 Chuyên ngành: **Quản Trị Hệ Thống Thông Tin**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Đơn vị đảm	
				Trường	DN
	A	HỌC PHẦN CHUNG TOÀN TRƯỜNG (44 TC)	44	44	0
1	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản CN Mác – Lê Nin1	2	2	0
2	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản CN Mác – Lê Nin2	3	3	0
3	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0
4	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	0
5	LAW1001	Pháp luật đại cương	2	3	0
6	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3	3	0
7	ENG1011	PRE-IELTS 1	3	3	0
8	ENG1012	PRE-IELTS 2	2	3	0
9	ENG1013	IELTS BEGINNERS 1	3	3	0
10	ENG1014	IELTS BEGINNERS 2	2	3	0
11	ENG2011	IELTS PRE-INTERMEDIATE 1	3	3	0
12	ENG2012	IELTS PRE-INTERMEDIATE 2	2	3	0
13	ENG2013	IELTS INTERMEDIATE 1	3	3	0
14	ENG2014	IELTS INTERMEDIATE 2	2	3	0
15	MGT1001	Kinh tế vi mô	3	3	0
16	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3	3	0
17	MGT1002	Quản trị học	3	3	0
	B	HỌC PHẦN CHUNG KHỐI NGÀNH (30 TC)	30	30	0
21	HRM2001	Hành vi tổ chức	3	3	0
20	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0
25	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3	3	0
26	LAW2001	Luật kinh doanh	3	3	0
19	MKT2001	Marketing căn bản	3	3	0
18	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3	3	0
24	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	3	3	0
23	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3	3	0
22	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3	3	0
27	ENG3001	Tiếng Anh kinh doanh	3	3	0
	C	HỌC PHẦN CHUNG CỦA NGÀNH (15 TC)	15	10	5
28	MIS3001	Cơ sở lập trình	3	2	1
29	MIS2001	Cơ sở dữ liệu	3	2	1
30	MIS3002	Mạng và truyền thông	3	2	1
31	MIS3003	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3	2	1
32	MIS3004	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3	2	1
	D	HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH			
		Học phần bắt buộc (24 TC)	24	14	10
33	ACC2003	Kế toán tài chính	3	3	0
34	HRM3001	Quản trị nguồn nhân lực	3	3	0
35	MIS3011	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	2	1
36	MIS3036	Thực hành hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	2	0	2
37	MIS3009	Kho và khai phá dữ liệu	3	2	1

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Đơn vị đảm	
				Trường	DN
38	MIS3037	Thực hành thiết kế kho và phân tích dữ liệu kinh doanh	2	0	2
39	MIS3012	Quản trị mạng	3	2	1
40	MIS3008	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1
41	MIS3038	Thực hành Quản trị dự án CNTT	2	0	2
		Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau (05 TC)	5	3	2
42	MIS3007	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	2	1
43	MIS3039	Thực hành Phân tích và Thiết kế HTTT	2	0	2
44	MIS3040	Thực hành Quản trị CSDL	2	0	2
45	MIS3013	Kinh doanh điện tử	3	2	1
46	MGT3002	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0
47	ACC3008	Hệ thống thông tin kế toán	3	3	0
48	HRM3002	Phát triển kỹ năng quản trị	3	3	0
49	MGT3003	Quản trị sản xuất	3	3	0
50	COM3003	Quản trị quan hệ khách hàng	3	3	0
	E	THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP (05 TC)	5	0	5
51	MIS2011	Thực tập nhận thức	2	0	2
52	MIS2013	Thực tập nghề nghiệp	3	0	3
	F	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (10 TC)	10	0	10
53	MIS4002	Chuyên đề tốt nghiệp	10	0	10
		Tổng cộng	133	85	35